

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRĂNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 132/2024/DS-ST

Ngày: 28 - 8 - 2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng góp hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRĂNG BÀNG,
TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Minh Lý.

Ông Cao Hoài Hiem.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Lê Huỳnh Như Nguyễn – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **234/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2024** về “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1956. Địa chỉ: khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

- Bị đơn: bà **Trần Thị T**, sinh năm 1976. Địa chỉ: khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm: 1970. Địa chỉ: khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà Đ và vợ chồng bà Trần Thị T, ông Nguyễn Văn N quen biết nhau nên khi biết bà Đ làm chủ thảo hụi bà T có nhờ chị ruột bà Đ đến nói chuyện để cho bà T tham gia các dây hụi của bà Đ. Vì nể tình chị em và tin tưởng nên bà Đ đồng ý cho bà T tham gia các dây hụi của mình. Tuy nhiên trong quá trình tham gia chơi hụi, bà T đã hốt hụi, bà Đ giao tiền đủ nhưng sau đó bà T đóng hụi chết lại được một thời gian rồi ngưng không đóng nữa trong khi các dây hụi này vẫn chưa mãn, bà Đ phải đóng thay. Cụ thể các dây hụi như sau:

1/ Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 25/06/2022 (dương lịch), dự kiến mãn ngày 25/02/2025 (dương lịch), khai vào lúc 12 giờ ngày 25 tây hàng tháng. Hụi gồm tổng cộng 33 phần. Hụi do bà Nguyễn Thị Đ làm chủ thảo, Trần Thị T là hụi viên với tên trong giấy hụi là T và tham gia 2 phần, số thứ tự trong dây hụi tính từ trên xuống lần lượt là 23, 24.

+ Phần 1: Bà T đóng hụi sống được 1 lần với số tiền 1.420.000 đồng thì đến lần khai hụi thứ hai là ngày 25/07/2022, bà T kêu 580.000 đồng nên trúng hụi và hốt được số tiền 44.820.000 đồng trừ đi tiền hoa hồng của dây hụi là 700.000 đồng nên thực lãnh là 44.120.000 đồng. Bà Đ đã giao đủ số tiền hụi này cho bà T. Sau đó bà T tiếp tục đóng hụi chết được 12 lần nữa tương ứng với số tiền 24.000.000 đồng thì ngưng không đóng tiếp trong khi phần hụi này phải đóng 20 lần nữa mới mãn. Như vậy bà T còn nợ lại bà Đ 20 lần hụi chết của phần hụi này tương ứng với số tiền 40.000.000 đồng.

+ Phần 2: Phần hụi này bà T đã đóng được cho bà Đ 13 lần hụi sống tương ứng với số tiền đóng vào là 19.500.000 đồng và tính theo tiền hụi chết là 26.000.000 đồng thì tự ý ngưng không đóng nữa trong khi dây hụi này vẫn đang diễn ra.

2/ Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 15/03/2022 (dương lịch), dự kiến mãn ngày 15/11/2024 (dương lịch), khai vào lúc 12 giờ ngày 15 tây hàng tháng. Hụi gồm tổng cộng 33 phần. Hụi do bà Đ làm chủ thảo, bà T là hụi viên với tên trong giấy hụi là T và tham gia 1 phần với số thứ tự trong dây hụi tính từ trên xuống là 26. Dây hụi này bà T đóng hụi sống được 1 lần với số tiền là 1.450.000 đồng thì đến lần khai hụi thứ 2, bà T kêu số tiền 650.000 đồng nên trúng hụi và hốt được 43.850.000 đồng trừ đi tiền hoa hồng của dây hụi là 700.000 đồng nên thực lãnh là 43.150.000 đồng; bà Đ đã giao đủ số tiền hốt hụi cho bà T. Sau đó, bà T tiếp tục đóng hụi chết được 14 lần nữa tương ứng với số tiền 28.000.000 đồng thì ngưng không đóng hụi chết tiếp cho bà Đ trong khi dây hụi này còn đến 17 lần nữa mới mãn hụi. Như vậy dây hụi này bà T còn nợ bà Đ 17 lần hụi chết tương ứng là 34.000.000 đồng.

Tổng kết 2 dây hụi khấu trừ giữa tiền hụi sống và tiền hụi chết thì bà T còn nợ lại bà Đ số tiền là 48.000.000 đồng.

Bà Đ đến nhà đòi tiền thì bà Trần Thị T cứ hẹn lần hẹn lượt rồi cũng không trả số tiền còn thiếu cho bà Đ. Bà Đ tìm gặp chồng của bà T là ông Nguyễn Văn N thì cũng hứa hẹn chờ bán đất để trả cho bà Đ nhưng đến nay cũng không trả đồng nào.

Tại phiên tòa, bà Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Do tính nhầm phần nợ hụi chết ở đây hụi 1, phần 1. Số hụi chết còn nợ là $19 \text{ lần} \times 2.000.000 = 38.000.000$ đồng. Tổng số tiền nợ là: $38.000.000 - 26.000.000 + 34.000.000 = 46.000.000$ đồng. Nguyên vọng của bà Đ: yêu cầu bà Trần Thị T và chồng ông Nguyễn Văn N trả lại cho bà Đ số tiền hụi còn thiếu là 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà T có tham gia góp hụi do bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1956, địa chỉ: khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh làm chủ hụi, hụi hưởng hoa hồng, cụ thể như sau:

Dây 1: kỳ mở hụi ngày 25/06/2022, kỳ mãn hụi 25/02/2025, bà T tham gia 2 phần, có số thứ tự 23,24 từ trên xuống, danh sách hụi ghi tên T, gồm 33 phần.

+ Phần 1: Bà T góp được 1 lần với số tiền 1.420.000 đồng, ngày 25/07/2022 bà T kêu 580.000 đồng nên trúng hụi số tiền 44.820.000 đồng trừ 700.000 đồng tiền hoa hồng nên thực lãnh là 44.120.000 đồng; bà Đ đã giao đủ cho bà T số tiền 44.120.000 đồng. Bà T góp 12 lần hụi chết, số tiền 24.000.000 đồng, bà T còn nợ bà Đ 20 lần hụi chết, số tiền 40.000.000 đồng.

+ Phần 2: bà T góp 13 lần hụi sống là 19.500.000 đồng và tính theo tiền hụi chết là 26.000.000 đồng.

Dây 2: hụi 2.000.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 15/03/2022 (dl), mãn hụi ngày 15/11/2024 (dl), gồm 33 phần, 26 thành viên. Bà T tham gia 1 phần với số thứ tự là 26 tính từ trên xuống, danh sách ghi tên T. Bà T góp được 01 lần hụi sống, số tiền là 1.450.000 đồng. Ngày 15/03/2022, bà T kêu hụi số tiền 650.000 đồng nên trúng hụi số tiền 43.850.000 đồng trừ 700.000 đồng tiền hoa hồng nên thực lãnh là 43.150.000 đồng; bà Đ đã giao đủ cho bà T số tiền 43.150.000 đồng. Bà T góp 14 lần hụi chết, số tiền 28.000.000 đồng. Bà T còn nợ bà Đ 17 lần hụi chết, số tiền là 34.000.000 đồng.

Sau khi khấu trừ 2 phần hụi chết và 01 phần hụi sống thì bà T còn nợ bà T số tiền là 48.000.000 đồng.

Bà T lĩnh tiền trúng hụi của bà Đ để lo chi phí mua bán cà phê, nước giải khát tại nhà bà T và ông Nguyễn Văn N, đồng thời lo chi phí sinh hoạt gia đình hàng ngày.

Bà T và ông Nguyễn Văn N chung sống với nhau năm 2002, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn vào năm 2002. Hiện nay, bà T và ông N đang sống chung nhà và sinh hoạt kinh tế gia đình chung.

Nguyên vọng của bà T: đồng ý cùng ông Nguyễn Văn N trả bà Đ số tiền hụi còn thiếu là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng), xin không tính lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ông N thống nhất lời trình bày của bà T. Ông xác định số tiền lãnh hội vợ chồng ông sử dụng để xoay sở sinh hoạt trong gia đình. Trong thời gian sống chung, ông N làm tài xế và bà T mở tiệm uốn tóc. Tiền bạc trong gia đình do bà T quản lý. Tiền lương của ông trung bình khoảng 7.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng/tháng

Nguyện vọng của ông N: đồng ý cùng bà Trần Thị T trả bà Đ số tiền hội còn thiếu là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng), xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng, xin không tính lãi.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ đối với bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn N về việc tranh chấp hợp đồng góp hội. Buộc bà T và ông N cùng có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền hội còn thiếu là 28.000.000 đồng và tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đóng hội đối với 02 phần hội còn lại cho đến ngày mãn hội.

2. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà T, ông N vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông N là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ hội nên đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hội được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

[3] Về việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, bà Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: do tính nhầm phần nợ hui chết ở dây hui 1, phần 1. Số hui chết còn nợ là $19 \text{ lần} \times 2.000.000 = 38.000.000$ đồng. Tổng số tiền nợ là: $38.000.000 - 26.000.000 + 34.000.000 = 46.000.000$ đồng. Nguyên vọng của bà Đ: yêu cầu bà Trần Thị T và chồng ông Nguyễn Văn N trả lại cho bà Đ số tiền hui còn thiếu là 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu trả số tiền hui chết 46.000.000 đồng của nguyên đơn thấy rằng: bà Đ và bà T đều thống nhất các dây hui mà bà T tham gia, thống nhất thời gian lĩnh các dây hui và thời gian bà T ngưng đóng hui chết.

Hai bên cũng thống nhất bà T còn nợ bà Đ tiền hui. Việc bà T không đóng hui chết cho bà Đ là vi phạm nghĩa vụ góp hui theo quy định tại Điều 16 và Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ. Để giao hui cho các thành viên khác khi đến kỳ, bà Đ phải góp các phần hui thay cho bà T để đảm bảo hui hoạt động đến cuối kỳ nên nay bà T phải có nghĩa vụ trả lại số tiền bà Đ đã góp thay cho bà T tính từ ngày ngưng hui cho đến ngày xét xử là ngày 28/8/2024 là phù hợp. Đối với các phần hui chưa mãn, bà T chưa vi phạm nghĩa vụ góp hui nên bà T có nghĩa vụ tiếp tục đóng các kỳ hui hàng tháng cho đến khi mãn hui là phù hợp. Cụ thể:

Dây hui mệnh giá 2.000.000 đồng/tháng, phần 1, mở ngày 25/6/2022, mãn ngày 25/02/2025 bà T đóng hui chết cho bà Đ đến hết tháng 25/07/2023 thì ngưng. Dây hui này bà Đ góp thay cho bà T 13 tháng (từ 25/08/2023 đến 25/08/2024) thành tiền là 26.000.000 đồng nên bà T có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền 26.000.000 đồng và tiếp tục góp 06 tháng với số tiền 2.000.000 đồng/tháng tính từ ngày 25/09/2024 đến ngày 25/02/2025, thành tiền 12.000.000 đồng.

Dây hui mệnh giá 2.000.000 đồng/tháng, phần 2, mở ngày 25/06/2022 (mãn ngày 25/02/2025. Bà T đã đóng được cho bà Đ 13 lần hui sống tương ứng với số tiền đóng vào là 19.500.000 đồng và tính theo tiền hui chết là 26.000.000 đồng thì tự ý ngưng không đóng nữa trong khi dây hui này vẫn đang diễn ra. Số tiền bà Đ đồng ý khấu trừ lại là 26.000.000 đồng.

Dây hui mệnh giá 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 15/03/2022 (dương lịch), dự kiến mãn ngày 15/11/2024 (dương lịch) bà T đóng hui chết cho bà Đ đến hết tháng 15/06/2023 thì ngưng. Dây hui này bà Đ góp thay cho bà T 14 tháng (từ 15/07/2023 đến 15/08/2024) thành tiền là 28.000.000 đồng nên bà T có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền 28.000.000 đồng và tiếp tục góp 03 tháng với số tiền 2.000.000 đồng/tháng tính từ ngày 15/09/2024 đến ngày 15/11/2024, thành tiền 6.000.000 đồng.

Do đó, bà T có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền hui bà Đ đã góp thay là 26.000.000 đồng + 28.000.000 đồng - 26.000.000 đồng = 28.000.000 đồng và tiếp tục góp các kỳ hui cho đến mãn như phân tích ở trên.

[5] Xét yêu cầu buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả nợ thấy rằng: ông N, bà T trình bày, số tiền lãnh hui trên bà sử dụng để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Như vậy, mục đích bà T sử dụng khoản tiền trên để phục vụ các nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình và là giao dịch phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T và ông N nên ông N phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà T trả số tiền hui còn nợ cho bà Đ là phù hợp với quy định tại Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà Đ không yêu cầu tính lãi đối với số tiền chậm góp hui nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Đ được chấp nhận nên bà T, ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Án phí được tính như sau:

$46.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.300.000$ (Hai triệu ba trăm nghìn) đồng.

Bà Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Điều 16 và Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ đối với bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn N về việc tranh chấp hợp đồng góp hui.

Buộc bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 28.000.000 (Hai mươi tám triệu) đồng là tiền hui bà Đ đã góp thay cho bà T và ông N tính đến ngày 25 tháng 8 năm 2024 và tiếp tục đóng mỗi tháng cho đến ngày mãn các dây hui, cụ thể như sau:

Dây hối mệnh giá 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 25/06/2022, bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ tiếp tục đóng 06 tháng, với số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng tính từ ngày 25/9/2024 đến ngày mãn hạn 25/02/2025.

Dây hối mệnh giá 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 15/03/2022, bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ tiếp tục đóng 03 tháng, với số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng tính từ ngày 15/9/2024 đến ngày mãn hạn là ngày 15/11/2024.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn N phải chịu 2.300.000 (Hai triệu ba trăm nghìn) đồng. Bà Nguyễn Thị Đ đã được miễn tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: bà Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bà T, ông N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Minh Tú